

## TIẾNG ANH 9

GIÁO VIÊN: NGUYỄN NGỌC ANH

## UNIT 12: GRAMMAR - KEY

ĐĂNG KÍ CHƯƠNG TRÌNH HỌC TRỰC TUYẾN TẠI VINASTUDY.VN QUA 0932.39.39.56

## Ex 1:

- |              |                    |              |
|--------------|--------------------|--------------|
| 1. stealing  | 2. driving         | 3. to go     |
| 4. to go     | 5. raining         | 6. to win    |
| 7. asking    | 8. asking          | 9. to answer |
| 10. breaking | 11. to pay         | 12. losing   |
| 13. to tell  | 14. crying/ to cry | 15. to get   |

## Ex 2:

1. a, to lock  
b, lending  
c, to phone/ to call  
d, to give  
e, leaving /putting
2. a, saying  
b, to say
3. a, to become  
b, working  
c, reading